

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường năm 2025

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất: **Nhà máy nước Bông Vang** trực thuộc **Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ**.

- Địa chỉ: ấp Mỹ Phước, phường An Bình, thành phố Cần Thơ.

- Điện thoại: 02923 810 188.

- Người đại diện: **Ông Nguyễn Tùng Nguyên**.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác, xử lý nước phục vụ cấp nước sinh hoạt; Quy mô/Công suất: 15.000 m³/ngày đêm. Tần suất hoạt động: thường xuyên.

- Giấy phép đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 06 tháng 8 năm 2025. Mã số thuế: 1800155244.

- Giấy phép môi trường số: 25/GPMT-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2025 cơ quan cấp là Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ.

- Khối lượng sản phẩm: 9.875 m³/ngày đêm (năm 2024);

11.631 m³/ngày đêm (năm 2025).

- Điện tiêu thụ: (674.630 kw năm 2024) (863.780 kw năm 2025).

- Hoá chất tiêu thụ: PAC (23.490 kg năm 2024) (29.776 kg năm 2025);

Clo (9.670 kg năm 2024) (9.970 kg năm 2025).

Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

- Liệt kê các công trình xử lý nước thải: 01 bể tự hoại 03 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt, 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt: 182,5 m³ (0,5 m³/ngày đêm) năm 2024;

182,5 m³ (0,5 m³/ngày đêm) năm 2025.

- Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp: 63,88 nghìn m³ (175 m³/ngày đêm) năm 2024;

73 nghìn m³ (200 m³/ngày đêm) năm 2025.

Lưu lượng tối đa được cấp phép môi trường: (490 m³/ngày đêm) 178,85 nghìn m³/năm.



1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải công nghiệp

- Thời gian quan trắc: 04/6/2025 – 02/12/2025
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/01 lần.
- Vị trí các điểm quan trắc: Tại cống xả thải sau hệ thống xử lý nước thải.
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 02 mẫu nước thải.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Cần Thơ (VIMCERTS 131).
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: *Không có*.

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động (*không có*)

- Số lượng trạm, các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục và kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, kiểm soát chất lượng hệ thống theo quy định.
- Đánh giá hoạt động của hệ thống quan trắc nước thải liên tục, tự động theo quy định về kỹ thuật quan trắc (trong đó có đánh giá tình trạng hoạt động của trạm: các sự cố đối với hệ thống quan trắc tự động, nguyên nhân, cách khắc phục; các khoản thời gian hệ thống quan trắc tự động dừng hoạt động; ...).
- Nhận xét kết quả quan trắc: tính toán giá trị quan trắc trung bình 1 giờ (đối với các thông số có tần suất dữ liệu nhận được nhỏ hơn 1 giờ); so sánh giá trị quan trắc trung bình 1 giờ và 24 giờ so với QCVN (đối với các thông số có trong QCVN); thống kê các ngày có giá trị quan trắc trung bình 1 giờ và 24 giờ vượt quá giới hạn của QCVN; trong những ngày số liệu quan trắc cao bất thường cần có lý giải; thống kê số số giá trị quan trắc trung bình 1 giờ và 24 giờ vượt QCVN (thống kê theo từng thông số).

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải (*không có*)

2.1. Xử lý khí thải

- Liệt kê các công trình xử lý khí thải, bao gồm cả các thay đổi so với kỳ báo cáo trước, nếu có.
- Lưu lượng khí thải phát sinh theo giờ, tổng lưu lượng phát sinh theo năm của từng dòng thải phát sinh trong năm báo cáo và năm báo cáo gần nhất (đơn vị: m³).

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

(*Mô tả các thông tin tương tự như đối với quan trắc nước thải*).

3. Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

Thống kê chất thải phát sinh theo năm và số liệu trung bình phát sinh theo ngày (Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở).

a) Thống kê CTRSH

TT	CTRSH	Khối lượng (tấn)/năm	Khối lượng (tấn)/ngày	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (tấn)
----	-------	-------------------------	-----------------------------	--	----------------------------------



(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Rác sinh hoạt	0,262	0,00072	Công ty CP Đô thị Cần Thơ	0,262
2					
.....					
	Tổng cộng				

b) Thống kê CTRCNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và không thường xuyên)

TT	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng (kg)/ngày	Khối lượng (kg)/năm	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu cho quá trình sản xuất (tại cơ sở)				
2	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT)	0,55	200	Bơm lấp những chỗ trống trong khuôn viên nhà máy	195
3	Chất thải phải xử lý				

b1) Đối với cơ sở sản xuất có sử dụng CTRCNTT để tái sử dụng, tái chế, làm nguyên liệu sản xuất

TT	Tổ chức, cá nhân chuyển giao CTRCNTT	Khối lượng (kg)/ngày	Khối lượng (kg)/năm	Chủng loại chất thải	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1				Hạt nix, tro bay, tro đáy, giấy, nhựa....	
2					

b2) Thống kê các loại CTRCNTT khác phải xử lý (nếu có)

TT	Nhóm CTRCNTT khác	Khối lượng (kg)/ngày	Khối lượng (kg)/năm	Phương thức tự xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)



1						
2						
3						

4. Về quản lý chất thải nguy hại

Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và không thường xuyên)

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg)/ngày	Khối lượng (kg)/năm	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Giẻ lau	18 02 01	0,0055	02	TĐ	Công ty TNHH-SX-TM-DV Môi trường Việt Xanh	03
Bóng đèn	16 01 06	0,0027	01	PT,HR		03
Pin	19 06 01	0,00055	0,2	PD		0
Tổng khối lượng		0,000875	3,2			06

⁽ⁱ⁾ Ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); TR (Tẩy rửa); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

a) Thống kê các CTNH được xuất khẩu (nếu có):

Tên chất thải	Mã CTNH	Mã Basel	Khối lượng (kg)	Đơn vị vận chuyển xuyên biên giới	Đơn vị xử lý ở nước ngoài
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				(tên, địa chỉ)	(tên, địa chỉ)
Tổng khối lượng					

b) Thống kê các CTNH được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở (nếu có)

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg)/năm	Phương thức tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH
Tổng khối lượng			

- Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới (trừ trường hợp chủ nguồn thải có thời gian hoạt động dưới 01 năm).

5. Về quản lý chất thải y tế (chỉ áp dụng đối với các cơ sở y tế)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

(0292) 382 1711 - 381 0188

ctncantho@gmail.com

www.ctn-cantho.com.vn

5.1. Thống kê chất thải y tế phát sinh và được xử lý tại cơ sở y tế trong kỳ báo cáo

(Trường hợp có các cơ sở trực thuộc, thì ngoài thống kê chất thải y tế của cơ sở, cần thống kê lần lượt đối với từng cơ sở y tế trực thuộc theo bảng dưới đây).

TT	Loại chất thải y tế	Mã chất thải nguy hại	Đơn vị tính	Khối lượng chất thải phát sinh	Khối lượng chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	Xử lý chất thải y tế			
						Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	
						Khối lượng	Tên đơn vị chuyển giao	Số lượng	Hình thức/ Phương pháp xử lý(*)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Tổng lượng chất thải y tế nguy hại		kg/năm						
	Tổng lượng chất thải lây nhiễm:		kg/năm						
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn		kg/năm						
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn		kg/năm						
1.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao		kg/năm						
1.4	Chất thải giải phẫu		kg/năm						
2	Tổng lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm, gồm:		kg/năm						
2.1	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng		kg/năm						
2.2	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất		kg/năm						
2.3	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ		kg/năm						



	dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất							
2.4	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân, cadimi	kg/năm						
2.5	Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng	kg/năm						
2.6	Tổng lượng chất thải nguy hại khác	kg/năm						
II	Tổng lượng chất thải rắn thông thường	kg/năm						
III	Tổng lưu lượng nước thải	m ³ /năm						
4.1	Nước thải y tế	m ³ /năm						
4.2	Nước thải sinh hoạt	m ³ /năm						

Ghi chú:

(*) Hình thức/phương pháp tự xử lý chất thải y tế tại cơ sở y tế:

- Chất thải y tế nguy hại: KĐ (hấp uớt, vi sóng), C (Chôn lấp), LĐ (lò đốt 2 buồng), TC (đốt 1 buồng hoặc đốt thủ công), K (phương pháp khác).
- Trường hợp một loại chất thải có áp dụng đồng thời trong kỳ báo cáo cả việc thuê xử lý và tự xử lý thì cần ghi rõ hình thức và phương pháp xử lý cho từng trường hợp cụ thể.
- Nước thải: HTXLNT (xử lý qua hệ thống xử lý nước thải), KT (Không xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải, chỉ khử trùng nước thải trước khi xả ra môi trường), KXL (Không xử lý, thải thẳng ra môi trường).

5.2. Thống kê khối lượng chất thải nhựa trong năm

TT	Loại chất thải nhựa	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Khối lượng chuyển giao để tái chế (kg/năm)	Tên đơn vị nhận chuyển giao để tái chế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chất thải lây nhiễm			
2	Chất thải nguy hại không lây nhiễm			
3	Chất thải rắn thông thường:			



-	Chất thải rắn thông thường từ sinh hoạt thường ngày			
-	Chất thải rắn thông thường từ hoạt động chuyên môn y tế			
	Tổng cộng(1+2+3)			

6. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

6.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, tập trung làm rõ các nội dung chính như sau

Nhằm giảm thiểu ô nhiễm đối với nước thải phát sinh tại Nhà máy nước Bông Vang, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Cần Thơ có những phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường như sau:

- Khu vực phát sinh nước thải được thiết kế, lắp đặt cống thu gom riêng biệt, dẫn về công trình xử lý nước thải, nhằm đảm bảo thu gom lượng nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Nhà máy.

- Phân công công nhân trực vận hành công trình xử lý nước thải, bất kỳ có biểu hiện bất thường nào của công trình xử lý nước thải đều được phát hiện, khắc phục kịp thời.

- Khi có sự cố môi trường xảy ra nhà máy bố trí người phụ trách để đảm bảo an toàn cho người và tài sản, kịp thời thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước nhanh nhất.

- Trong quá trình hoạt động của nhà máy định kỳ tiến hành lấy mẫu kiểm tra chất lượng nguồn nước thải sau xử lý tại Nhà máy nước Bông Vang để kiểm soát, ngăn ngừa các chỉ tiêu ô nhiễm bị vượt và báo cáo về cơ quan quản lý Nhà nước.

7. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

7.1. Thông tin về chủng loại và khối lượng chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm đang được sản xuất, sử dụng

STT	Tên chất ô nhiễm khó phân hủy (bao gồm các chất POP) và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm	Mã CAS	Thời điểm nhập khẩu	Khối lượng nhập khẩu	Nồng độ chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa thiết bị chứa chất ô nhiễm (nếu	Khối lượng đã sử dụng	Khối lượng còn lưu giữ tại kho	Kết quả đánh giá sự phù hợp
-----	--	--------	---------------------	----------------------	--	-----------------------	--------------------------------	-----------------------------



					biết)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								

7.2. Ước tính chất ô nhiễm phát thải vào môi trường tại cơ sở

STT	Tên chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị chứa chất ô nhiễm khó phân hủy	Tổng khối lượng phát thải (kg/năm)	Phương pháp tính toán/ước tính (Quan trắc, tính toán, ước tính)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Phát thải vào môi trường nước		
2	Phát thải vào môi trường không khí		
3	Phát thải vào môi trường đất		
4	Chuyển giao vào bùn thải hệ thống xử lý nước thải		
5	Chuyển giao vào chất thải rắn nguy hại		
5.1	Trong cơ sở		
5.2	Cơ sở tái chế		
5.3	Thải bỏ		

8. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có)

Phần 2. Tình hình thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, CTCRCNTT, CTNH (Phần này chỉ áp dụng đối với chủ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, CTCRCNTT, CTNH)

1. Đối với chủ thu gom, vận chuyển CTRSH, CTCRCNTT

A. Tình hình chung về hoạt động thu gom, vận chuyển CTRSH:

- Khối lượng CTRSH được thu gom và vận chuyển (tấn/năm):

- Thông tin về các tổ chức phát sinh chuyển giao CTRSH:

TT	Tên các tổ chức	Khối lượng (tấn/năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			
	Tổng khối lượng		

- Thông tin về các chủ cơ sở xử lý CTRSH tiếp nhận để xử lý CTRSH do đơn vị trực tiếp thu gom, vận chuyển:

TT	Tên chủ cơ sở xử lý CTRSH	Khối lượng	Ghi chú
----	---------------------------	------------	---------



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ



(0292) 382 1711 - 381 0188



ctncanthon@gmail.com



www.ctn-cantho.com.vn

		(tấn/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			
	Tổng khối lượng		

B. Đối với CTRCNTT

- Khối lượng CTRCNTT được thu gom và vận chuyển (kg/năm):.....

- Thông tin về các tổ chức phát sinh chuyển giao CTRCNTT:.....

TT	Tên các tổ chức	Khối lượng (kg/năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			
	Tổng khối lượng		

- Thông tin về các chủ cơ sở sản xuất tiếp nhận tái sử dụng, tái chế CTRCNTT hoặc sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu sản xuất:

TT	Tên chủ cơ sở sử dụng CTRCNTT làm nguyên liệu sản xuất	Khối lượng (kg/năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			
	Tổng khối lượng		

- Thông tin về các chủ cơ sở xử lý CTRCNTT tiếp nhận để xử lý CTRCNTT do đơn vị trực tiếp thu gom, vận chuyển:

TT	Tên chủ cơ sở xử lý CTRCNTT	Khối lượng (kg/năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			
	Tổng khối lượng		

2. Đối với chủ xử lý

2.1 Thống kê chất thải được xử lý

A. Đối với CTRSH

- Thống kê về khối lượng CTRSH được xử lý:



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

(0292) 382 1711 - 381 0188

ctncanθο@gmail.com

www.ctn-canθο.com.vn

Tên chất thải	Khối lượng (tấn)	Phương pháp xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
			(nêu cơ sở xử lý tương ứng trong trường hợp có nhiều hơn một cơ sở; hoặc xuất khẩu, tái sử dụng...; hoặc chưa xử lý)
Tổng cộng			

- Thông tin về các chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển CTRSH:

TT	Tên chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển	Khối lượng (tấn)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
..	Tổng khối lượng		

B. Đối với CTCNTT

- Khối lượng CTCNTT được quản lý:

TT	Nhóm CTCNTT	Khối lượng (kg)	Phương pháp xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất			Chuyển giao cho cơ sở sản xuất phù hợp
2	Sơ chế để làm nguyên liệu sản xuất hoặc đồng xử lý			Phân loại, sơ chế, tái chế, tái sử dụng, xử lý...
3	Phải xử lý.....			Chôn lấp, thiêu đốt

- Thông tin về các chủ nguồn thải CTCNTT mà đơn vị trực tiếp thu gom:

TT	Tên chủ nguồn thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1			
	Tổng khối lượng		

- Thông tin về các chủ thu gom, vận chuyển chuyển giao CTCNTT (nếu có):

TT	Tên các tổ chức	Khối lượng (kg)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
	Tổng khối lượng		



Kết quả giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý CTRCNTT và các vấn đề khác (Kiểm soát ô nhiễm và BVMT; phòng ngừa và ứng phó sự cố; an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; đào tạo, tập huấn định kỳ).

C. Đối với CTNH

C1. Khối lượng CTNH vận chuyển và xử lý

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				(nêu cơ sở xử lý tương ứng trong trường hợp có nhiều hơn một cơ sở hoặc ghi chú khác như xuất khẩu, chưa xử lý...)
Tổng khối lượng				

C2. Khối lượng chất thải y tế nguy hại đã tiếp nhận, xử lý theo mô hình cụm cơ sở y tế (chỉ thực hiện đối với cơ sở y tế xử lý chất thải y tế cho cụm cơ sở y tế)

TT	Loại chất thải y tế	Khối lượng chất thải y tế nhận từ các cơ sở y tế trong cụm (kg/năm)	Phạm vi xử lý (ghi tên các cơ sở y tế trong cụm)
(1)	(2)	(3)	(4)
1			

⁽ⁱ⁾ Trừ trường hợp báo cáo của chủ vận chuyển CTNH, ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

C3. Thông tin về các chủ nguồn thải chuyển giao CTNH

Tên chủ nguồn thải	Mã số QLCTNH/ số Giấy phép môi trường	Khối lượng (kg)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng khối lượng			

C4. Thông tin về các chủ xử lý CTNH khác chuyển giao CTNH

Tên chủ xử lý CTNH	Mã số QLCTNH hoặc số Giấy phép	Khối lượng (kg)	Ghi chú



	môi trường		
(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng khối lượng			

C5. Thông tin về các chủ xử lý CTNH hoặc chủ xử lý CTNH tiếp nhận CTNH để xử lý

Tên chủ xử lý CTNH	Mã số QLCTNH hoặc số Giấy phép môi trường	Khối lượng (kg)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng khối lượng			

2.2. Báo cáo giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý CTRSH, CTCNTT, CTNH

2.3. Báo cáo kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố; an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; đào tạo tập huấn định kỳ ...)

Phần 3. Tình hình quản lý phế liệu nhập khẩu (Phần này chỉ áp dụng đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất)

1. Báo cáo về nhập khẩu, sử dụng phế liệu đã nhập khẩu trong năm

Lô hàng phế liệu nhập khẩu	Thời điểm nhập	Khối lượng phế liệu đã nhập khẩu (kg)	Cửa khẩu nhập khẩu	Số tiền ký quỹ phế liệu	Hoàn trả/sử dụng số tiền ký quỹ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1. Phế liệu...					
Lô 1					
Lô 2...					
Tổng cộng					
Đã sử dụng					
2. Phế liệu...					

2. Tình trạng kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu: ngoài những nội dung báo cáo về thực trạng sử dụng, quản lý kho, bãi lưu giữ phế liệu, cần mô tả những nội dung thay đổi, điều chỉnh so với Giấy phép môi trường/Giấy phép môi trường thành phần đã được cấp.

3. Kết quả hoạt động sản xuất, tái chế phế liệu.

4. Chứng thư giám định các lô hàng đã thông quan đối với trường hợp được miễn kiểm tra (trừ các nội dung đã được báo cáo tại các mục riêng)

Phần 4. Tình hình triển khai công tác cải tạo và phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (Phần này chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản)



- Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện trong kỳ báo cáo.
- Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường đã được xác nhận hoàn thành trong kỳ báo cáo.
- Số tiền ký quỹ trong kỳ báo cáo và tổng số tiền đã ký quỹ đến thời điểm báo cáo. /

Nơi nhận:

- Sở TN&MT TPCT;
- UBND phường An Bình;
- Lưu: HC, Phòng QLCL&MT



Huỳnh Thiện Đình



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ



(0292) 382 1711 - 381 0188



ctncantho@gmail.com



www.ctn-cantho.com.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số: 25 /GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 12 tháng 3 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ số 64/BC-CTN ngày 18 tháng 02 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại Tờ trình số 697/TTr-STNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ, địa chỉ tại số 2A, đường Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy nước Bông Vang” tại ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: “Nhà máy nước Bông Vang” công suất 15.000 m³/ngày-đêm.

1.2. Địa điểm hoạt động: ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 1800155244, đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 15 tháng 7 năm 2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

1.4. Mã số thuế: 1800155244.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác, xử lý nước phục vụ cấp nước sạch sinh hoạt trong nhân dân.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Tổng diện tích đất của cơ sở là 8.322,0 m², có thời hạn 50 năm (theo Hợp đồng thuê đất số 13/HĐTD-2021 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ với Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ ngày 18/6/2021).

- Công trình Nhà máy nước Bông Vang, công suất 15.000 m³/ngày-đêm cung cấp nước sinh hoạt. Nguồn nước đầu vào: nước sông Cần Thơ tại khu vực xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày .12... tháng 3 năm 2025 đến ngày .12.... tháng 3 năm 2035).

Giấy phép môi trường số 138/GPMT-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./. *W*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NN và MT;
- CT UBND TP;
- Cty CP Cấp thoát nước Cần Thơ;
- Công Thông tin điện tử TP;
- VP UBND TP (3B);
- Lưu VT. *VK* *nn*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Tấn Hiển

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 25 /GPMT-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn 1: Nước thải sinh hoạt.
- Nguồn 2: Nước thải sản xuất.
- Lưu lượng xả tối đa: Lưu lượng xả thải tối đa đề nghị cấp giấy phép môi trường là 490 m³/ngàyđêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải từ hoạt động sản xuất và từ sinh hoạt sau khi được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A ($K_q=0.9$, $K_f=1.1$), được đầu nối xả thải ra nguồn tiếp nhận là sông Trường Tiền, xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Tọa độ vị trí xả nước thải (tọa độ theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰):

+ Điểm xả đầu tiên là bể lắng bùn 1 (tọa độ theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰): X = 1105464, Y = 578176;

+ Điểm xả thải sau cùng của công trình xử lý nước thải sản xuất (vị trí cuối đường ống xả thải) với nguồn tiếp nhận là sông Trường Tiền. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰): X = 1105415, Y = 578146.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Tổng lưu lượng xả nước thải theo công suất của hệ thống xử lý nước thải 490 m³/ngàyđêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN40:2011/BTNMT, cột A ($K_q=0,9$; $K_f=1,1$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH		6-9		

2	BOD ₅ (20 ⁰ C)		29,7	Chủ cơ sở đề xuất quan trắc định kỳ 6 tháng/lần	- Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
3	COD	-	74,25		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	49,5		
5	Sunfua	mg/l	0,198		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,95		
7	Tổng nito	mg/l	19,8		
8	Tổng phospho (tính theo P)	mg/l	3,96		
9	Chì	mg/l	0,099		
10	Asen	mg/l	0,0495		
11	Cadimi	mg/l	0,0495		
12	Thủy ngân	mg/l	0,00495		
13	Coliform	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động tắm, rửa tay và từ nhà vệ sinh qua bể tự hoại 03 ngăn được thu gom vào hố ga tập trung, sau đó thoát vào hồ lắng bùn của hệ thống xử lý nước thải sản xuất trong nhà máy bằng đường cống thoát HDPE200, với chiều dài 44 m.

Nước thải sản xuất: Nước thải từ hoạt động sản xuất bao gồm nước thải từ quá vệ sinh thiết bị rửa lọc và nước xả đáy bể lắng của dây chuyền sản xuất nước mặt thành nước sạch được thu gom bằng mương hiện hữu B400 có chiều dài 38 m và dẫn trực tiếp về hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó được hút định kỳ bằng xe vệ sinh thông tắc cống với tần suất 6 tháng/lần.

- Bể tự hoại 03 ngăn: Gồm 02 bể tự hoại.

+ Dạng hình chữ nhật là công trình xử lý chất thải sinh hoạt có hai chức năng lắng và phân hủy cặn lắng với hiệu suất xử lý chất ô nhiễm từ 30 - 40% (riêng phần cặn lắng được giữ lại trong bể từ 80 - 85%). Thời gian từ 3 - 6 tháng dưới ảnh hưởng của các sinh vật kỵ khí, chất hữu cơ phân hủy và một phần tạo thành các chất khí, một phần tạo thành chất vô cơ hòa tan.

+ Kết cấu bê tông cốt thép không thấm và không phát sinh mùi, bố trí

ngâm.

+ Kích thước bể: 3m x 3m x 2m, thể tích 18m³. Dung tích bể tự hoại được thiết kế phù hợp với lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh.

- Xử lý nước thải sản xuất:

+ Quy trình xử lý nước thải như sau: Nước thải sản xuất → Bể lắng bùn 1 dạng zích zắc → Bể lắng bùn 2 → Bể lắng bùn 3 → Bể lắng bùn 4 → Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT → Sông Trường Tiền.

- Công suất thiết kế: Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở gồm 04 bể lắng bùn với thể tích 1.437,4 m³ ($V_1 = 120 \text{ m}^3$, $V_2 = 698,3 \text{ m}^3$, $V_3 = 547,5 \text{ m}^3$, $V_4 = 71,6 \text{ m}^3$).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC và clo lỏng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: -

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn.

- Nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để khơi thông dòng chảy, tránh bị ứ đọng nước.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và bảo trì, bảo dưỡng bể tự hoại định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng công suất, quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Đảm bảo nguồn cung cấp điện để duy trì hoạt động của các máy móc, thiết bị hệ thống xử lý nước thải.

- Khi phát hiện hiện sự cố, ngưng hoạt động, hồi lưu toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn về bề điều hòa để tiến hành xử lý lại và nhanh chóng rà soát, xử lý sự cố.

- Lập sổ theo dõi lưu lượng, chất lượng nước thải và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm (dự kiến):

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: 02/6/2025.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: 04/6/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải.
- Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải (tại hố ga trong phạm vi dự án trước khi đầu nối vào sông Trường Tiền).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thông số: Lưu lượng, pH, BOD₅, TSS, chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Phosphat (tính theo P), tổng Coliforms, Chì, Asen, Cadimi, Thủy ngân.
- Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT (cột A).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi:-

3.3. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:-

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có):-

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 25 /GPMT-UBND ngày 12 tháng 3
năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ máy bơm của trạm xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:-

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Máy phát điện dự phòng được trang bị máy mới, khí thải đạt theo tiêu chuẩn; đặt trong phòng kín, cách âm, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su, trang bị các bộ tiêu âm; thường xuyên kiểm tra lượng dầu bôi trơn và dầu trong máy; không để máy hoạt động quá tải; bảo dưỡng máy theo định kỳ.

- Lắp đặt đệm chống rung bằng đệm cao su cho máy bơm nước thải, máy thổi khí trong hệ thống xử lý nước thải đảm bảo độ cân bằng của máy móc khi hoạt động.

- Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:-

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:-

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ²⁵ /GPMT-UBND ngày ¹² tháng 3
năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Chủng loại	Mã CTNH	Tổng khối lượng (kg/năm)	Công trình lưu giữ	Công trình xử lý
Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	02	Kho chứa tại cơ sở (diện tích 10 m ²)	Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý (Hợp đồng số 380/2022D/HĐKT/VX-CTN3CS và Phụ lục HĐ 02 với Công ty TNHH SX - TM - DV Môi trường Việt Xanh).
Giẻ lau dính dầu, nhớt	18 02 01	01		
Pin dùng cho bộ điều khiển máy lạnh	19 06 01	0,2		
Tổng số lượng		3,2		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Bùn thải: khoảng 293 m³/năm (Bùn thải sau xử lý nước đã được lấy mẫu phân tích có các thông số đạt theo QCVN 50:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước). Cát lọc: khoảng 25m³.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:-

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 03 thùng 120 lít, bên ngoài thùng được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 09 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Mặt sàn là nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn, không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có trần là bê tông cốt thép kiên cố, cách nhiệt, có biển cảnh báo và dán nhãn theo đúng quy định, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố tràn đổ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1 Thiết bị lưu chứa:-

2.2.2 Kho/khu vực chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài:-

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom hàng ngày.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại:-

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:-

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện và cung cấp nội dung kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 108, Điều 109 và Điều 110 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Chủ cơ sở thực hiện một số nội dung sau:

Nhằm giảm thiểu ô nhiễm đối với nước thải phát sinh tại Nhà máy nước Bông Vang, nên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ có những phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường như sau:

** Nước mặt khai thác sử dụng (nước sông Cần Thơ):*

- Nhà máy thường xuyên kiểm tra, theo dõi chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác, sử dụng.

- Bảo vệ nguồn nước mặt khai thác, theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước.

- Kịp thời ngăn chặn, đồng thời báo cáo ngay đến chính quyền địa phương nơi gần nhất để xử lý các trường hợp phát hiện hành vi gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác nước của công trình và các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước khác trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước của công trình khai thác.

- Tuân thủ các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước.

** Nước thải sản xuất:*

- Khu vực phát sinh nước thải được thiết kế, lắp đặt hệ thống thu gom riêng biệt, dẫn về công trình xử lý nước thải, nhằm đảm bảo thu gom lượng nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Nhà máy.

- Phân công công nhân trực vận hành công trình xử lý nước thải, bất kỳ có biểu hiện bất thường nào của công trình xử lý nước thải đều được phát hiện, khắc phục kịp thời.

- Khi có sự cố môi trường bất ngờ xảy ra nhà máy có bố trí người phụ trách để đảm bảo an toàn cho người và tài sản, tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước nhanh nhất.

- Trong quá trình hoạt động của nhà máy định kỳ tiến hành lấy mẫu phân tích/kiểm tra chất lượng nguồn nước (nước thải sau xử lý) tại Nhà máy nước Bông Vang để kiểm soát, ngăn ngừa các chỉ tiêu ô nhiễm bị vượt và báo cáo về cơ quan quản lý Nhà nước.

** Sự cố cháy nổ, chập điện:*

Chủ cơ sở thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ thực hiện như sau:

- Luôn luôn nâng cao ý thức của công nhân viên về các khả năng gây cháy nổ và các ảnh hưởng khi xảy ra sự cố cháy nổ.

- Thực hiện đầy đủ bảng nội quy tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy, không cho mang các thành phần dễ phát sinh cháy nổ vào kho chứa như cấm lửa, cấm hút thuốc.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy như: lắp đặt hệ thống báo cháy, đèn tín hiệu, còi cứu hỏa hoạt động bằng đầu cảm biến điện tử, các phương tiện và thiết bị chữa cháy (bình cứu hỏa, vòi nước chữa cháy, bơm nước...) tại chỗ để sẵn sàng sử dụng khi có sự cố xảy ra.

- Trong từng hạng mục công trình của cơ sở, chủ cơ sở sẽ trang bị chu đáo các thiết bị phòng cháy, chữa cháy nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất các thiệt hại đến sự cố cháy nổ có thể xảy ra. Đặc biệt là khu vực chứa trấu tại cơ sở.

- Thường xuyên phối hợp với cơ quan chức năng để tập huấn về công tác phòng cháy chữa cháy cho cán bộ, công nhân viên.

- Hệ thống cấp nước cho công tác chữa cháy: nhà máy đã có lắp đặt hệ thống cấp nước cho công tác chữa cháy.

- Có hệ thống tiếp đất, chống sét cho khu vực nhà kho, nhà xưởng, trạm điện.

➤ Kế hoạch ứng phó sự cố cháy nổ:

Công ty thường xuyên cập nhật kế hoạch, thực hành phương án ứng phó sự cố cháy nổ tại đơn vị.

Khi có cháy xảy ra cần tiến hành một cách khẩn trương các công việc sau:

- Báo động cháy (tự động, keng, tri hô).

- Cắt điện khu vực cháy.

- Tổ chức cứu người bị nạn, tổ chức giải thoát cho người và di chuyển tài sản ra khỏi khu vực cháy.

- Tổ chức lực lượng sử dụng phương tiện chữa cháy tại chỗ để cứu chữa đám cháy.

- Gọi điện báo cháy cho đội chữa cháy chuyên nghiệp gần nhất hoặc báo về trung tâm chữa cháy của địa phương hỗ trợ.

- Hướng dẫn đường nơi đỗ xem nguồn nước chữa cháy cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp khi tới hỗ trợ; phối hợp chặt chẽ với lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp cứu chữa đám cháy.
- Triển khai lực lượng bảo vệ hiện trường cháy sau khi dập tắt đám cháy.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 25 /GPMT-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: -

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: -

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG): -

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố hoá chất, sự cố cháy nổ theo quy định pháp luật hiện hành. Kiểm soát chặt các nguồn phát sinh chất thải trong quá trình sản xuất kinh doanh.

2. Sau khi được cấp giấy phép môi trường, chủ cơ sở phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ cơ sở để đánh giá phù hợp và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chủ đầu tư phải tuân thủ yêu cầu về bảo vệ môi trường theo giấy phép môi trường và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo giấy phép môi trường đã cấp thì phải thực hiện trách nhiệm quy định tại Khoản 13, Điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

4. Đề nghị tuân thủ quy định pháp luật và lập lại hồ sơ môi trường trong việc đầu tư, hợp tác đầu tư xây dựng và hoạt động trong việc mua bán, kinh doanh các mặt hàng, sản phẩm khác với nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường này./.

(mã cũ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

—o0o—

Xã Phong Điền, ngày 01 tháng 07 năm 2025

HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC DỊCH VỤ

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai Bên;

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2025, tại Văn phòng Công Ty TNHH Dịch Vụ Công Ích Thiên Phúc, chúng tôi gồm:

Bên thu gom (sau đây gọi là bên A): CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THIÊN PHÚC ✓

Địa chỉ : Số 19 Đường Nguyễn Thái Bình, Xã Phong Điền, Tp. Cần Thơ

SĐT: 0939.838.836

Giấy chứng nhận đăng ký DN số : 1801708050 Do : Sở KH&ĐT TPCT Cấp ngày :13/07/2021

Người đại diện theo pháp luật : Ông: **Huỳnh Thống Nhứt** Chức vụ: **Giám Đốc**

Chủ nguồn thải (Sau đây gọi là bên B) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

Địa chỉ : Số 2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ

Người đại diện theo pháp luật : Ông/Bà: **Nguyễn Tùng Nguyên** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Số Điện Thoại: 02923.810.188

Sau khi thỏa thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom rác với những điều khoản sau:

Điều 1: Đối tượng của hợp đồng:

Nhằm đáp ứng việc hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn được kịp thời, đúng thời gian quy định góp phần giữ gìn môi trường xanh – sạch – đẹp. Bên A đồng ý cung cấp và bên B đồng ý nhận cung cấp các dịch vụ thu gom rác và xử lý rác thải với các công việc sau đây:

- Địa điểm thu gom rác: Chi Nhánh Cấp nước Bông Vang
- Tần suất thu gom rác: 1 lần/ngày
- Thời gian thu gom: sáng hoặc chiều



Lưu ý: Tần xuất và thời gian thu gom có thể thay đổi phụ thuộc vào khối lượng rác trên địa bàn và những vấn đề đột xuất do khách quan mang lại hoặc phục vụ nhiệm vụ theo kế hoạch của địa phương.

Điều 2: Thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện hợp đồng này được 2 bên thỏa thuận từ ngày 01/07/2025 đến ngày 31/12/2025. Trong vòng 3 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng, bên A có nghĩa vụ cung cấp các dịch vụ theo điều 1 cho bên B tại địa điểm và thời gian đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

Điều 3: Đơn giá, khối lượng và phương thức thanh toán:

1. Đơn giá:

- Đơn giá thu gom vận chuyển: 160.000đ/m³ (Theo QĐ 40/2016/QĐ-UBND của UBND Thành Phố Cần Thơ).
- Đơn giá xử lý rác: 368.810đ/Tấn (Chưa bao gồm thuế VAT) Theo công văn 4768/UBND-XĐĐT ngày 21/11/2016 của UBND Thành Phố.

2. Khối lượng: 4kg/ngày được xác định theo cách cân thực tế hằng ngày (trong vòng 10-15 ngày khi hai bên đồng ý với khối lượng bình quân ngày) có sổ bàn giao khối lượng 2 bên ký nhận hằng ngày.

3. Giá trị hợp đồng: 100.000 VNĐ/tháng

4. Bảng (đơn giá thu gom vận chuyển + đơn giá xử lý) x (khối lượng thực tế hoặc bình quân).

5. Phương thức thanh toán : cuối mỗi tháng bên A sẽ gửi hóa đơn tài chính cho bên B. Bên B tiến hành thanh toán bằng hình thức TM/CK cho Bên A.

6. Quy định về chậm thanh toán: Bên B có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ các khoản tiền khi đến hạn thanh toán. Nếu Bên B không thanh toán đúng hạn bên A có quyền ngưng cung cấp dịch vụ.

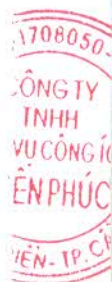
Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1./Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- + Bên A có quyền từ chối thu gom rác gây cháy nổ hoặc chứa hóa chất độc hại.
- + Bên A có quyền yêu cầu bên B thanh toán phí dịch vụ đúng hạn.
- + Bên A có nghĩa vụ cung ứng các dịch vụ đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng và theo quy định của pháp luật;

2./Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- + Bên B có quyền yêu cầu bên A thực hiện công việc theo đúng chất lượng, số lượng, thời hạn, địa điểm và thỏa thuận khác.
- + Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên A không hoàn thành theo thỏa thuận.
- + Bên B có nghĩa vụ thanh toán tiền cung ứng dịch vụ theo đúng thời hạn như đã thỏa thuận trong hợp đồng cho bên A.



- + Thực hiện đúng các tiêu chuẩn quy định về phân loại rác thải, tạo điều kiện thuận lợi cho bên A trong việc thu gom và vận chuyển rác thải.
- + Bên sử dụng dịch vụ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời các kế hoạch, chỉ dẫn và những chi tiết khác để việc cung ứng dịch vụ được thực hiện không bị trì hoãn hay gián đoạn;
- + Bên sử dụng dịch vụ có nghĩa vụ hợp tác trong tất cả những vấn đề cần thiết khác để bên cung ứng có thể cung ứng dịch vụ một cách thích hợp;

Điều 5: Giải quyết tranh chấp

1. Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến hiệu lực hoặc việc thực hiện hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa các bên. Nếu Tranh Chấp không thể được giải quyết bằng biện pháp thương lượng thì hai Bên có quyền đưa Tranh Chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết.
2. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng và phải được các bên tuân theo. Án phí sẽ do bên thua kiện chi trả, trừ khi có sự thỏa thuận của hai bên.

Điều 6: Hiệu lực của hợp đồng:

1. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/07/2025 đến ngày 31/12/2025. Hợp đồng sẽ được gia hạn nếu các Bên đồng ý việc gia hạn bằng văn bản trước ngày hết hạn của hợp đồng.
2. Hai bên đều đã đọc và thống nhất tất cả các nội dung, điều khoản của hợp đồng.
3. Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.



Số: 880/2022D/HĐKT/VX-CTN3CS

Bình Dương, ngày 26 tháng 8 năm 2022

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ký ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ký ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Môi Trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại (CTNH) số 1-2-3-4-5-6.033.VX cấp ngày 18/11/2020 của Công ty TNHH Môi Trường Việt Xanh;
- Căn cứ vào nhu cầu và điều kiện của hai bên (Bên A và Bên B);

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

Địa chỉ : Số 2A, Nguyễn Trãi, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Điện thoại : 02923821710

Fax: 02923824092

Mã số thuế : 1800155244

Đại diện bởi : Ông NGUYỄN TÙNG NGUYỄN Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

BÊN B: CÔNG TY TNHH SX - TM - DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH

Địa chỉ : Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, P. Khánh Bình, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương.

Điện thoại : 0274.3653076 (~77)

Fax: 0274.3653075

Mã số thuế : 3700 671 231

Tài khoản : 0281 001 385 284 tại ngân hàng Vietcombank, CN Bình Dương

Đại diện : Ông TRẦN THANH HÀ Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH), với nội dung sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

1.1 Bên A đồng ý chọn và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH, phát sinh sau quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên A.

- Địa chỉ thu gom CTNH:

+ CS1: Nhà máy nước Cần Thơ 1. Số 298, đường 30.4, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TPCT

- + CS2: Nhà máy nước Hưng Phú. Khu vực Thạnh Hòa, phường Phú Thù, quận Cái Răng, TPCT.
- + CS3: Nhà máy nước Bông Vang. Số 17, ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, TPCT.
- Tần suất thu gom: 01 lần/năm. Khi có nhu cầu thu gom Bên A thông báo cho Bên B trước 01 ngày để Bên B chuẩn bị.
- Tình trạng lưu chứa: CTNH được lưu chứa trong bao bì chuyên dụng, Bao bì chứa chất thải sẽ được xử lý tiêu hủy cùng CTNH.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1 Trách nhiệm của Bên A

- CTNH phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của Bên A phải được thu gom tập trung, phân loại, dán nhãn cảnh báo CTNH và lưu chứa an toàn trong kho chứa bên A, chờ tiến hành bàn giao cho Bên B thu gom, xử lý.
- Bên A thông báo thu gom CTNH trước 03 ngày để Bên B chuẩn bị phương tiện và nhân lực. Trường hợp đột xuất hay sự cố, Bên A cần thực hiện thu gom xử lý CTNH thì phải báo trước cho Bên B một ngày (24h).
- Khi có phát sinh chất thải ngoài danh mục (căn cứ sổ chủ nguồn thải CTNH của Bên A), chất thải dễ cháy nổ, hóa chất rất độc, bên A phải cảnh báo cho Bên B biết trước 01 ngày (24h) khi đăng ký xe thu gom để Các Bên thống nhất phương án thu gom, vận chuyển và xử lý kịp thời theo quy định pháp luật.
- Bên A tạo điều kiện thuận lợi cho bên B như cử nhân viên hướng dẫn, đóng gói sẵn chất thải, hỗ trợ xe nâng nếu trọng lượng chất thải quá nặng hoặc công kênh mà công nhân không thể khuân vác bằng tay.
- Cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy. Thực hiện kê khai số lượng CTNH và sử dụng mẫu chứng từ CTNH theo quy định.
- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của chủ nguồn thải CTNH theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn giá trị hợp đồng tại Điều 3 và Điều 4 của hợp đồng.

2.2 Trách nhiệm của Bên B

- Bên B cung cấp nhân lực, phương tiện thu gom vận chuyển và trang bị đầy đủ bảo hộ lao động khi đến thu gom chất thải tại nhà máy bên A.
- Tuân thủ quy định về quản lý chất thải nguy hại, đảm bảo yêu cầu pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, về phòng cháy chữa cháy trong quá trình thu gom, vận chuyển bảo quản và xử lý CTNH.
- Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết khi ra vào nhà máy của bên A và khu công nghiệp.
- Hoàn trả chứng từ CTNH ngay sau khi bên B hoàn tất xử lý CTNH.
- Phát hành hóa đơn tài chính về chi phí dịch vụ xử lý CTNH cho bên A.
- Sau khi chất thải của bên A giao cho bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra, (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG - THANH TOÁN

3.1 Số lượng được xác định tại kho Bên A hoặc kho Bên B. Đại diện mỗi bên có đủ thẩm quyền ký xác nhận số lượng thực tế trên biên bản giao nhận đã được hai bên thống nhất theo mẫu.

STT	Diễn giải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá xử lý
I	Dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại bao gồm :			
	1. Giẻ lau thải nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Khoán năm ($\leq 200\text{Kg}/3$ cơ sở)	16.000.000 đồng/năm/3 cơ sở (Mười sáu triệu đồng trên năm)
	2. Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06		
	3. Các chất thải trong PTN có chứa thành phần nguy hại.	13 01 02		

Đơn giá xử lý nêu trên chưa bao gồm thuế GTGT.

Ghi chú: Trường hợp số lượng CTNH vượt mức khoán 200Kg/1năm/3 cơ sở, giá trị hợp đồng (GTHĐ) thực tế được tính như sau: $GTHĐ = 16.000.000\text{đồng} + (\text{Số lượng thực tế} - 200\text{Kg}) * 20.000\text{đồng/Kg}$.

1.2 Phương thức thanh toán:

- Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị khoán năm nêu trên bao gồm thuế GTGT bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tiền Việt Nam Đồng sau khi hoàn tất việc thu gom.
- Thời hạn thanh toán: Trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán, giấy đề nghị thanh toán và hóa đơn tài chính hợp lệ.

ĐIỀU 4: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 4.1** Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày **26/08/2023** và hợp đồng tự thanh lý sau khi hai bên đã hoàn thành trách nhiệm của mình.
- 4.2** Nếu tại thời điểm hợp đồng hết hạn, hai Bên có tranh chấp chưa giải quyết được, hợp đồng được coi như vẫn tiếp tục có hiệu lực để các Bên tham chiếu thực hiện. Khi tranh chấp được giải quyết xong, hợp đồng hết hiệu lực. Trong trường hợp hai bên vẫn tiếp tục hợp tác, hợp đồng sẽ được tiếp tục gia hạn hoặc ký kết hợp đồng mới.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 5.1** Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký, nếu có gì khó khăn hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, Hai Bên cùng thỏa thuận để giải quyết. Bất kỳ sự thay đổi, hiệu chỉnh hay bổ sung nào cho hợp đồng này đều phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Hai Bên.
- 5.2** Những gì không qui định trong nội dung các điều khoản của hợp đồng này, Hai Bên sẽ tuân thủ theo những quy định của pháp luật nước CHXHCN Việt Nam. Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này sẽ

được Hai Bên giải quyết thông qua thương lượng trên nguyên tắc hợp tác và tôn trọng lẫn nhau. Các tranh chấp Hai Bên không tự giải quyết sẽ được trình lên tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo luật định. Phán quyết của tòa án là kết quả cuối cùng bắt buộc Hai Bên thực hiện, án phí do Bên thua kiện chịu.

- 5.3 Một trong Hai Bên có quyền chấm dứt Hợp đồng này do bên kia vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng làm ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng này bằng cách gửi văn bản thông báo cho bên vi phạm nêu rõ tính chất, mức độ vi phạm và ngày chấm dứt có hiệu lực của Hợp đồng này.
- 5.4 Nếu tại thời điểm Hợp đồng hết hạn. Hai Bên có tranh chấp chưa giải quyết được, hợp đồng được coi như vẫn tiếp tục có hiệu lực để Hai Bên tham chiếu thực hiện. Khi tranh chấp được giải quyết xong, hợp đồng tự động hết hiệu lực.
- 5.5 Hợp đồng được lập thành bốn (04) bản chính, mỗi bên giữ hai (02) bản có giá trị pháp lý như nhau./



ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tùng Nguyên



ĐẠI DIỆN BÊN B

Trần Thanh Hà



Bình Dương, Ngày 26 tháng 08 năm 2024

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG 02

(Hợp đồng kinh tế số 380/2022D/HĐKT/VX-CTN3CS ký ngày 26/08/2022)

Đại diện hai bên gồm có:

BÊN A: : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

Địa chỉ : Số 2A, Nguyễn Trãi, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại : 02923821710

Fax: 02923824092

Mã số thuế : 1800155244

Đại diện : (Ông) **NGUYỄN TÙNG NGUYỄN** Chức vụ: Tổng Giám đốc

BÊN B : CÔNG TY TNHH SX – TM – DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH

Địa chỉ : Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, P. Khánh Bình, TP. Tân Uyên, T. Bình Dương.

Điện thoại : 0274.3653076 (~77)

Fax: 0274.3653075

Mã số thuế : 3700 671 231

Tài khoản : 0281 001 385 284 tại ngân hàng Vietcombank, CN Bình Dương

Đại diện : (Ông) **TRẦN THANH HÀ** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Sau khi thoả thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng với các nội dung sau:

1. Hai bên đồng ý ký gia hạn tiếp tục thời gian thực hiện hợp đồng số 380/2022D/HĐKT/VX-CTN3CS ký ngày 26/08/2022 có hiệu lực đến hết ngày **26 tháng 08 năm 2025**.
2. Phụ lục hợp đồng số 02 là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng số 380/2022D/HĐKT/VX-CTN3CS ký ngày 26/08/2022. Các điều khoản khác của hợp đồng vẫn còn giữ nguyên hiệu lực.
3. Phụ lục hợp đồng số 02 có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như hợp đồng chính đã ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tùng Nguyễn

ĐẠI DIỆN BÊN B



Trần Thanh Hà

BIÊN BẢN GIAO NHẬN

Số : 037803/2407/CTGNVX

Ngày 31/07/2024



1. Tên chủ nguồn thải: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ. Mã số QLCT : CTN
 Địa chỉ văn phòng : CS4ĐT :0292 3810 188
 Địa chỉ cơ sở : Nhà máy nước Bông Vàng: Số 17, Ấp Mỹ Phước, Xã Mỹ Khánh, Huyện Phong Điền, TP.ĐT :0292 3810 188
 Cần Thơ

2. Chủ CS DV XỬ LÝ: CÔNG TY TNHH SX-TM-DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH Mã số QLCT : 1-2-3-4-5-6.033.VX
 Địa chỉ văn phòng : Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, P.Khánh Bình, TP.Tân Uyên, Bình Dương.ĐT : 0274.3653.076 – 077
 Địa chỉ cơ sở : Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, P.Khánh Bình, TP.Tân Uyên, Bình Dương.ĐT : 0274.3653.076 – 077

Phương tiện vận chuyển số : 54N5459

3. Kê khai CTNH chuyển giao

STT	Tên chất thải / hàng hóa	Trạng thái	Mã chất thải	Đơn vị	Số lượng	Phương án
1	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Kg	3	TĐ
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Kg	3	PT, HR
3	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	Kg	0	PD

* Ghi lần lượt (ký hiệu) các phương pháp xử lý, tiêu hủy đối với từng CTNH: Thu hồi tái chế (TC); trung hòa (TH); Phân tách/chiết/ lọc...(PT); Oxy hoá (OH); Kết tủa (KT); hoá rắn/ổn định hoá/thủy tinh hoá...(HR); Lò đốt chuyên dụng (TĐ); Sinh học (SH); Chôn lấp (CL); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

4.Xác nhận việc niêm phong phương tiện vận chuyển : SEAL Số 381-382 Chữ ký: [Signature]

5.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CNTH như kê khai ở mục 3

6 Xác nhận của đại diện chủ nguồn thải

7. Xác nhận của đại diện vận chuyển, xử lý

[Signature] Nguyễn Chí Tâm			[Signature] Vũ Hữu Học
-------------------------------	--	--	---------------------------

* Hướng dẫn tải chứng từ CTNH:

Vui lòng truy cập vào trang web <https://ctnh.mtvietxanh.com.vn> và nhập Số biên bản 037803/2407/CTGNVX để tải chứng từ CTNH



Số: 219/736/N/0625 **KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **Ngày trả:** 17/6/2025

Khách hàng (Cơ quan): Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ

Địa chỉ: Số 2A Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ

Ngày thu/nhận mẫu: 04/6/2025

Ngày thử nghiệm: 04/6/2025

Loại mẫu (ký hiệu): Nước thải (Nhà máy nước Bông Vang – Số lượng: 01
Nước thải sau xử lý 04/6/2025)

Tình trạng mẫu: Bình thường

Lưu mẫu: ☒ Không; ☐ Có, đến ngày:

Đo đạc hiện trường: Không

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả
1	pH (#)	-	TCVN 6492:2011	6,81
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	6
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	13,5
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	22
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	KPH (MDL=0,16)
6	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,001)
7	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,001)
8	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	0,0011
9	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL=0,0003)
10	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	1,5
11	Tổng Photpho	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	0,12
12	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,02)
13	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	7,0x10 ¹

Ghi chú: thực hiện theo Giấy chứng nhận số 28/GCN-BTNMT ngày 29/8/2022 (mã số VIMCERTS 131).
(#) kết quả có giá trị tham khảo; “KPH”: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG QUAN TRẮC VÀ
THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Khánh Luân

GIÁM ĐỐC



Đoàn Thanh Tâm

1. Tên mẫu, ký hiệu mẫu ghi theo yêu cầu của khách hàng; 2. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, không lưu mẫu; 3. Khi khách hàng có yêu cầu lưu, Trung tâm sẽ lưu theo các điều kiện thích hợp với tính chất của mẫu và thông thường mẫu được lưu 5 (năm) ngày tính từ ngày Trung tâm ký ban hành Phiếu QQTN.



VILAS 086

Số: 2264/MT/0764/1225

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 31/12/2025
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải (3)
Vị trí lấy mẫu: Nước mặt sông Cần Thơ
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ
Địa chỉ: Số 2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ (Nhà máy nước Bông Vang).
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 02 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 02/12/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 02/12/2025 đến 29/12/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CẦN THƠ
Số 08 đường Nguyễn Văn Cừ, KV8, phường An Bình, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Không
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Hàm lượng Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)
2	(#) pH	-	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023	7,32 (tại 25,3°C)
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	14
4	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	8
5	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	22,00
6	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL = 0,70)
7	Hàm lượng tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	6,16
8	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	KPH (MDL = 0,02)

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (#) Kết quả chỉ có giá trị tham khảo, kết quả có giá trị pháp lý khi được quan trắc hiện trường bởi tổ chức có giấy chứng nhận VIMCERTS; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - (a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8 ^(a)
10	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0016
11	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0002)
12	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)
13	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0008)

CATECH



1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. 2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH